

Bản án số: 28/2024/DS-ST.  
Ngày 16 - 5 -2024  
V/v “Tranh chấp Đòi lại tài sản”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Huy Tùng.

Ông Tăng Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Hoàng Kha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2023/TLST-DS, ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: **Trần Thị Kim C**; Sinh năm: 1969. Địa chỉ: **Tổ D, Khóm Xuân H, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang**.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn **Trần Thị Kim C**: Bà **Huỳnh Thị Bích T**; Sinh năm: 1997. Địa chỉ: **Khóm H, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang** – Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11/3/2024 - Có mặt).

\* Bị đơn: **Huỳnh Thị L**; Sinh năm: 1966. Địa chỉ: **ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 8 năm 2023, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn **Trần Thị Kim C** là bà **Huỳnh Thị Bích T** trình bày:

Khoảng tháng 02/2022 bà **Trần Thị Kim C** và bà **Huỳnh Thị L** có quen biết nhau thông qua mối quan hệ của bà **Vũ Bạch H1**. Thời gian này bà **C** và bà **L** thường qua lại nói chuyện với nhau thông qua mạng xã hội Zalo, bà **L** có nói là bản thân có kinh nghiệm trong nghề mua lúa, nên có nói với bà **C** là đầu tư vốn mua lúa gạo để bà **L** làm thuê lấy tiền công, nên bà **C** đồng ý.

Ngày 04/5/2022, bà **L** hướng dẫn bà **Trần Thị Kim C** mua lúa khô của **nhà máy S** ở thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng để xay ra thành phẩm (gạo, tấm) bán lại sẽ có lợi nhuận cao hơn lúa tươi. Bà **Trần Thị Kim C** đồng ý và mua của **nhà máy S** 174 tấn lúa với tổng số tiền 1.292.787.000 đồng (*Một tỷ hai trăm chín mươi hai triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng*) bằng hình thức chuyển khoản 02 lần và đưa trực tiếp bằng tiền mặt cho bà **L** 01 lần, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 04/5/2022, bà **Trần Thị Kim C** chuyển khoản số tiền 499.999.999 đồng (*Bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng*) cho **nhà máy S**;

- Lần 2: Ngày 05/5/2022, bà **Trần Thị Kim C** chuyển khoản số tiền 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*) cho **nhà máy S** thành 02 lần, một lần 400.000.000 đồng và một lần 200.000.000 đồng;

- Lần 3: Ngày 07/5/2022, bà **Trần Thị Kim C** đưa trực tiếp cho bà **L** số tiền 192.787.000 đồng (*Một trăm chín mươi hai triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng*) bằng tiền mặt để nhờ bà **L** đem đến trả cho nhà máy.

Sau khi nhà máy giao lúa cho bà **C**, bà **L** hướng dẫn bà **C** đem lúa đến **nhà máy X** ở phường T, quận T, thành phố Cần Thơ bằng hình thức thuê 03 chiếc ghe để chở về để xay ra thành phẩm. Bà **Trần Thị Kim C** đồng ý, nhưng không trực tiếp đem đi mà để bà **L** đem đi dùm. Theo đó, bà **L** đem 174 tấn lúa đến **nhà máy X** xay ra thành phẩm được 112,5 tấn gạo và 56 tấn cám. Sau đó, **nhà máy X** đã mua lại 56 tấn cám với giá 183.587.000 đồng, trừ đi 40.000.000 đồng tiền gia công 174 tấn lúa, thì nhà máy trực tiếp chuyển cho bà **C** 143.000.000 đồng (bỏ số tiền 587.000 đồng). Số tiền bán 56 tấn cám này thì bà **C** đã nhận được. Còn đối với 112,5 tấn gạo thì được trữ tại nhà máy.

Đến ngày 16/7/2022, bà **L** nói với bà **C** là có người hỏi mua 40 tấn gạo với giá 11.000đ/kg. Do bà **C** không có mặt tại đây, nên bà **C** đã nhờ bà **L** đứng ra bán dùm bà **C**. Số tiền bán 40 tấn gạo thì bà **L** không đưa tiền lại cho bà **C**. Mặc dù, bà **C** đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu bà **L** hoàn trả lại số tiền này cho bà **C**, nhưng bà **L** đều chỉ hứa hẹn mà không chịu trả tiền cho bà **C**.

Cùng khoảng thời gian trên, bà **C** có liên hệ cho ông **C1** là nhân viên **nhà máy X** để tìm hiểu sự việc thì được biết bà **L** đã lén lút bán hết 112,5 tấn gạo với tổng số tiền 1.092.125.000 đồng (*Một tỷ không trăm chín mươi triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Sau khi biết được sự việc, bà **C** có liên hệ với bà **L** yêu cầu hoàn trả lại số tiền nêu trên cho bà **C** thì bà **L** chỉ trả cho bà **C** số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Còn lại số tiền 892.125.000 đồng (*Tám trăm chín mươi hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) thì bà **L** không trả nữa.



Ngoài ra, vào ngày 21/5/2022 bà C có chuyển khoản cho bà L số tiền 100.000.000 đồng, đến ngày 27/5/2022, bà C tiếp tục chuyển khoản cho bà L số tiền 200.000.000 đồng, tổng cộng là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), mục đích là để bà L đặt cọc mua lúa tươi dùm cho bà C, nhưng bà L lại không thực hiện đúng như vậy, mà bà L đã ngang nhiên chiếm đoạt, sử dụng số tiền này vào mục đích cá nhân của bà.

Nhận thấy, toàn bộ số tiền để cho ra thành phẩm là 112,5 tấn gạo tại nhà máy X là do bà C đầu tư toàn bộ, bà L chỉ là người trung gian được bà C trả tiền để thực hiện một số công việc thay bà C trong quá trình đặt cọc, thu mua, xay xát lúa gạo, nhưng bà L lại lén lút bán hết số gạo này và chiếm đoạt số tiền 892.125.000 đồng (Tám trăm chín mươi hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) từ việc bán gạo của bà C, cùng số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) mà bà C giao cho bà L để đặt cọc mua lúa khô dùm bà C. Tổng cộng là 1.192.125.000 đồng.

Sau đó, bà C có nhiều lần gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền đề nghị giải quyết buộc bà L trả tiền cho bà C thì đến ngày 18/5/2023, Công an huyện T có mời bà C đến làm việc và thông tin cho bà C là bà L có thừa nhận việc lấy tiền của bà C và có trả trước cho bà C số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Do đó, bà C đã nhận số tiền này, số tiền còn lại là 992.125.000 đồng (Chín trăm chín mươi hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) thì đến nay bà L vẫn chưa trả lại cho bà C. Các hành vi này của bà L đã xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của bà C.

Theo đơn khởi kiện thì bà Trần Thị Kim C yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Huỳnh Thị L phải hoàn trả cho bà Trần Thị Kim C số tiền là 992.125.000 đồng (Chín trăm chín mươi hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Nay bà C xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Huỳnh Thị L phải hoàn trả cho bà Trần Thị Kim C tổng số tiền là 992.00.000 đồng (Chín trăm chín mươi hai triệu đồng).

\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 3 năm 2024, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Huỳnh Thị L trình bày:

Bà Huỳnh Thị L không có nhận tiền của bà C để mua lúa khô của nhà máy S ở thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng để xay ra thành phẩm (gạo, tấm) bán lại mà giữa bà L và bà C hùn nhau làm ăn mua lúa khô để xay ra thành phẩm bán lại. Quá trình làm ăn thì có khi lời, khi lỗ, nên giữa bà L và bà C hai bên có gặp nhau kết toán thì bà L phải trả lại cho bà C số tiền là 235.000.0000 đồng, thì bà L có nói với bà C là sẽ trả cho bà C số tiền 200.000.000 đồng, còn 35.000.000 đồng thì bà L đề nghị bà C bỏ, nhưng bà C không đồng ý mà khởi kiện bà L qua Công an huyện T, nên bà L có mang số tiền là 200.000.000 đồng gửi trả cho bà C, giữa bà L và bà C không còn qua lại làm ăn với nhau nữa và bà L cũng không có nợ tiền của bà C. Số tiền còn lại 692.000.000 đồng bán lúa là tiền của bà L, vì lúa là của bà L mua, không phải tiền của bà C. Bà L không có thiếu tiền của bà C, giữa bà L và bà C chỉ là quan hệ làm ăn với nhau, bây giờ hai bên đã chấm dứt việc làm ăn. Còn số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu



đồng) thì bà L và bà C đã đặt cọc mua lúa của ông Trần Sĩ T2 ở V, bà L không có giữ số tiền này, nên bà L không thống nhất hoàn trả số tiền 992.000.000 đồng theo yêu cầu của bà C.

\* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim C yêu cầu bà Huỳnh Thị L phải trả cho nguyên đơn số tiền là 992.000.000 đồng. Bị đơn cho rằng không có thiếu tiền của bà C, giữa bị đơn và bà C chỉ là quan hệ làm ăn với nhau, bây giờ hai bên đã chấm dứt việc làm ăn, nên không thống nhất trả tiền theo yêu cầu của bà C. Tuy nhiên, tại Tờ cam kết (LB 124) ngày 18/10/2022 và biên bản ghi lời khai ngày 03/01/2023 tại Cơ quan điều tra Công an huyện T bà L đã thừa nhận vào khoảng tháng 3 âm lịch năm 2022, bà C và bà L bắt đầu cùng nhau góp vốn mua bán lúa (đặt cọc lúa tươi) để kiếm lời, sau nhiều lần chuyển tiền qua lại để mua bán lúa thì bà L còn thiếu bà C số tiền bán lúa là 892.000.000 đồng. Sau đó, thì bà L đã thông qua Cơ quan điều tra Công an huyện T gửi trả thêm cho bà C số tiền 200.000.000 đồng và còn thiếu lại số tiền 692.000.000 đồng. Lời khai của bà L tại Cơ quan điều tra Công an huyện T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên có căn cứ chứng minh bà L còn thiếu bà C số tiền 692.000.000 đồng.

Bà C khai rằng quá trình góp vốn mua bán lúa giữa bà và bà Huỳnh Thị L được diễn ra nhiều lần, theo thỏa thuận thì đến ngày 18/7/2022 sẽ kết thúc, tuy nhiên do nhận thấy bà L làm ăn không rõ ràng, nên bà C không tiếp tục góp vốn, mà kết thúc sớm hơn thỏa thuận. Tính đến thời điểm kết thúc góp vốn thì bà L còn nợ của bà C số tiền 992.125.000 đồng, gồm hai khoản là 692.000.000 đồng là tiền bà L đã lấy gạo (mua lúa về chà thành gạo bán lại kiếm lời) của bà C bán mà chưa trả tiền cho bà C và số tiền 300.000.000 đồng bà C giao bà L đặt cọc mua lúa hè thu của ông Trần Sĩ T2. Xem xét lời khai của bà C (BL 153-155) nhận thấy việc bà C cho rằng bà L còn nợ của bà số tiền 692.000.000 đồng là tiền bà L đã lấy gạo (mua lúa về chà thành gạo bán lại kiếm lời) của bà bán mà chưa trả tiền là có cơ sở, phù hợp với lời thừa nhận của bị đơn cũng như các chứng cứ khác nên có căn cứ để chấp nhận.

Xem xét lời khai của ông Trần Sĩ T2 tại Cơ quan điều tra Công an huyện T vào ngày 21/02/2023 (BL 150-151) thấy rằng số tiền 300.000.000 đồng là vợ chồng bà C, ông T3 và bà L chót đặt cọc cho ông Trần Sĩ T2 để mua lúa hè thu và bà L sau khi nhận được tiền từ bà C cũng đã giao tiền cho ông T2, ông T2 cũng thừa nhận có nhận từ bà L số tiền cọc 300.000.000 đồng như đã thỏa thuận trước đó, đây là thỏa thuận giao dịch giữa vợ chồng bà C và ông T2, bà L làm



trung gian thực hiện việc mua bán và chia tiền lời có được với bà C. Quá trình thực hiện giao dịch (mua bán lúa đã đặt cọc với ông T2) bà C đã chuyển 350.000.000 đồng cho bà L để mua lúa của ông T2 lần 1, sau đó bà L đã thực hiện giao dịch và chuyển trả lại cho bà C số tiền vốn 350.000.000 đồng và tiền lời 50.000.000 đồng. Khi đến lần 2 (05-18/7/2022) thì bà C cho rằng bà L làm ăn không uy tín, nên không tiếp tục chuyển tiền để mua lúa của ông T2 lần 2, nhận thấy việc bà C tự ý chấm dứt việc giao dịch với ông T2 đã vi phạm quy định về đặt cọc (khoản 2 Điều 328 BLDS năm 2015) nên số tiền đặt cọc (300.000.000 đồng) thuộc về ông T2, không liên quan đến bà L, nên việc bà C cho rằng bà L nợ bà số tiền này và phải có nghĩa vụ trả là không có căn cứ để chấp nhận.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 117, Điều 119, Điều 166 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Huỳnh Thị L phải trả cho bà Trần Thị Kim C số tiền 692.000.000 đồng; Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bà Huỳnh Thị L trả số tiền 300.000.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì nguyên đơn có nhờ bị đơn là bà L mang 174 tấn lúa đến nhà máy X xay ra thành phẩm được 112,5 tấn gạo và 56 tấn cám. Sau đó, nhà máy X đã mua lại 56 tấn cám với giá 183.587.000 đồng và trừ đi 40.000.000 đồng tiền gia công 174 tấn lúa, thì nhà máy trực tiếp chuyển cho nguyên đơn 143.000.000 đồng. Còn lại 112,5 tấn gạo thì được trữ tại nhà máy, sau đó bà L đứng ra bán dùm 112,5 tấn gạo, với tổng số tiền 1.092.125.000 đồng, bà L có gửi trả cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng, còn lại số tiền 892.125.000 đồng thì bà L không trả thêm cho nguyên đơn. Ngoài ra, thì nguyên đơn có chuyển khoản cho bà L tổng số tiền 300.000.000 đồng, mục đích là để bà L đặt cọc mua lúa tươi dùm cho nguyên đơn, nhưng bà L lại không thực hiện đúng như vậy, mà bà L đã ngang nhiên chiếm đoạt, sử dụng số tiền này vào mục đích cá nhân, tổng cộng bà L đã lấy của nguyên đơn tổng số tiền 1.192.125.000 đồng. Sau đó, bà L có trả cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng, còn lại số tiền là 992.125.000 đồng thì bà L không trả tiếp cho nguyên đơn, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà L phải trả cho nguyên đơn số tiền là 992.125.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ



kiện này là Tranh chấp Đòi lại tài sản theo Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bà **L** phải hoàn trả số tiền là 992.125.000 đồng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bà **L** phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền là 992.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn là bà **Huỳnh Thị L** phải hoàn trả số tiền 992.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị đơn là **Huỳnh Thị L** cho rằng bà **L** không có thiếu tiền của bà **C**, giữa bà **L** và bà **C** chỉ là quan hệ làm ăn với nhau, bây giờ hai bên đã chấm dứt việc làm ăn, nên không thống nhất trả tiền theo yêu cầu của bà **C**.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Tờ cam kết (LB 124) ngày 18/10/2022 và biên bản ghi lời khai ngày 03/01/2023 (LB 134 - 135) tại Cơ quan điều tra **Công an huyện T** bà **L** đã thừa nhận vào khoảng tháng 3 âm lịch năm 2022, bà **C** và bà **L** bắt đầu cùng nhau góp vốn mua bán lúa (đặt cọc lúa tươi) để kiếm lời, sau nhiều lần chuyển tiền qua lại để mua bán lúa thì bà **L** còn thiếu bà **C** số tiền là 892.000.000 đồng. Sau đó, thì bà **L** đã thông qua Cơ quan điều tra **Công an huyện T** gửi trả thêm cho bà **C** số tiền 200.000.000 đồng và còn thiếu lại số tiền 692.000.000 đồng. Lời khai của bà **L** tại Cơ quan điều tra **Công an huyện T** là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, nên có căn cứ chứng minh bà **L** còn thiếu bà **C** số tiền 692.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 3 năm 2023 (BL 153-154), tại Cơ quan điều tra **Công an huyện T** bà **Trần Thị Kim C** trình bày: Sau khi chà gạo xong thì chủ nhà máy bán tấm cám và trừ các khoản xong thì chuyển trả cho bà **C** số tiền là 143.000.000 đồng. Sau đó, khi bán gạo xong thì bà **L** có chuyển trả cho bà **C** số tiền là 200.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 892.000.000 đồng. Đối với số tiền là 300.000.000 đồng thì bà **C** và bà **L** trực tiếp đi đặt cọc 1.000 công lúa ba lần với số tiền là 300.000.000 đồng, bà **C** đã bỏ cọc cho ông **Trần Sĩ T2** ở **huyện V**. Quá trình thực hiện giao dịch (mua bán lúa đã đặt cọc với ông **T2**) bà **C** đã chuyển 350.000.000 đồng cho bà **L** để mua lúa của ông **T2** lần 1, sau đó bà **L** đã thực hiện giao dịch và chuyển trả lại cho bà **C** số tiền vốn 350.000.000 đồng và tiền lời 50.000.000 đồng. Khi đến lần 2 (05-18/7/2022) thì bà **C** cho rằng bà **L** làm ăn không uy tín, nên không tiếp tục chuyển tiền để mua lúa của ông **T2** lần 2. Như vậy, cho thấy việc bà **C** tự ý chấm dứt việc giao dịch với ông **T2** đã vi phạm quy định về đặt cọc (khoản 2 Điều 328 BLDS năm 2015), nên số tiền đặt cọc (300.000.000 đồng) thuộc về ông **T2**, không liên quan đến bà **L**, nên việc bà **C** cho rằng bà **L** còn nợ bà **C** số tiền 300.000.000 đồng và



yêu cầu bà **L** phải hoàn trả số tiền 300.000.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 02 năm 2023 của ông **Trần Sĩ T2** (BL 150-151) tại Cơ quan điều tra **Công an huyện T** thì ông **T2** trình bày: Số tiền 300.000.000 đồng là vợ chồng bà **C**, ông **T3** và bà **L** chót đặt cọc cho ông **Trần Sĩ T2** để mua lúa hè thu và bà **L** sau khi nhận được tiền từ bà **C** cũng đã giao tiền cho ông **T2**, ông **T2** cũng thừa nhận có nhận từ bà **L** số tiền cọc 300.000.000 đồng như đã thỏa thuận trước đó.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử chỉ có cơ sở chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị Kim C** là chỉ buộc bà **Huỳnh Thị L** phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà **Trần Thị Kim C** số tiền là 692.000.000 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà **Huỳnh Thị L** phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 31.680.000 đồng; Bà **Trần Thị Kim C** phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do 01 phần yêu cầu không được chấp nhận là 15.000.000 đồng, nhưng bà **C** được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.881.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002210 ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, hoàn trả lại cho bà **Trần Thị Kim C** số tiền thừa là 5.881.000 đồng.

[4] Đối với đề nghị của đại diện **Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề**. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị Kim C**:

Buộc bà **Huỳnh Thị L** phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà **Trần Thị Kim C** số tiền là 692.000.000 đồng (*Sáu trăm chín mươi hai triệu đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà **C** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 692.000.000 đồng (*Sáu trăm chín mươi hai triệu đồng*) thì hàng tháng bà **L** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Huỳnh Thị L** phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 31.680.000 đồng (*Ba mươi một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*). Bà **Trần Thị Kim C** phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do 01 phần yêu cầu không được chấp nhận là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*), nhưng bà **C** được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.881.000 đồng (*Hai mươi triệu tám trăm tám mươi một nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002210 ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, hoàn trả lại cho bà **Trần Thị Kim C** số tiền thừa là 5.881.000 đồng (*Năm triệu tám trăm tám mươi một nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo bản án: Bà **Trần Thị Kim C**, bà **Huỳnh Thị L** có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Mỹ Xuyên**